

Số 146/QĐ-CĐSP

Hoà Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết các học phần trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục Mầm non (Áp dụng cho đối tượng người học có đầu vào tốt nghiệp THPT hoặc tương đương)

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ quyết định số 16/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/5/2007 về việc ban hành Chương trình khung Giáo dục đại học trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non thuộc khối ngành sư phạm của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chuẩn đầu ra ngành Giáo dục mầm non, trình độ cao đẳng, ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-CĐSP ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và Công tác HSSV,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Ban hành kèm theo quyết định này Chương trình Đào tạo, Đề cương chi tiết các học phần trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy (Áp dụng cho đối tượng người học có đầu vào tốt nghiệp THPT hoặc tương đương);

**Điều 2:** Chương trình Đào tạo, Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Quyết định này được thực hiện cho công tác đào tạo từ năm học 2021 – 2022 trở đi.

**Điều 3:** Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và Công tác HSSV, các khoa/tổ chuyên môn, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *✓*

- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h),
- Lưu QLĐT, các khoa, tổ.



Đào Anh Tuấn

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-CĐSP ngày 25 tháng 8 năm 2021  
của Hiệu trưởng trường CĐSP Hòa Bình)*

Tên ngành (tiếng Việt và tiếng anh): Giáo dục Mầm Non (Ealy Childhood Education)

Mã ngành: 51140201

Tên chương trình đào tạo: Giáo dục Mầm Non

Trình độ đào tạo: Cao đẳng      Hệ đào tạo: Chính qui tập trung

Danh hiệu tốt nghiệp: Cao đẳng giáo dục mầm non

Thời gian đào tạo chuẩn: 3 năm

Đơn vị đào tạo: Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình

Đối tượng đào tạo: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) trình độ cao đẳng nhằm đào tạo giáo viên đáp ứng được những yêu cầu đổi mới của GDMN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giáo viên mầm non (GVMN) được đào tạo có phẩm chất đạo đức tốt; đủ sức khỏe; năng lực giáo dục, dạy học theo chuẩn GVMN; có khả năng dạy tốt chương trình giáo dục Mầm non cũng như đáp ứng được những thay đổi của GDMN trong thời đại mới; có kỹ năng nghiên cứu, ứng dụng, tự bồi dưỡng và phát triển chương trình GDMN phù hợp với thực tiễn và học tiếp ở các bậc học cao hơn.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức:**

M1: Vận dụng được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; pháp luật Việt Nam, quốc phòng - an ninh, quản lý GDMN trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

M2: Lựa chọn mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo chương trình giáo dục.

M3: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về tâm lý học, giáo dục học mầm non, lý luận và phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục vào lập kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi.

##### **1.2.2. Kỹ năng:**

M4: Có hiểu biết đầy đủ về mục tiêu, nội dung chương trình GDMN, phương pháp tổ chức, đánh giá hoạt động giáo dục và sự phát triển của trẻ em ở các cơ sở GDMN;



M5: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ; hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non; năng lực quản lý nhóm/ lớp và phát triển chương trình giáo dục.

M6: Có năng lực tự học, trải nghiệm và thích ứng nghề nghiệp; giám sát và hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

M7: Đạt trình độ tin học theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.

M8: Đạt chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2/6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

M9: Có năng lực giao tiếp, hoạt động tư vấn giáo dục trẻ mầm non, xây dựng các mối quan hệ hợp tác với đồng nghiệp, cấp trên, cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ và cộng đồng để nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và bảo vệ quyền trẻ em.

### ***1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm***

M10: Thực hiện đúng các quy định của ngành và nhà trường về đạo đức nhà giáo trong mối quan hệ với trẻ, đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và các lực lượng xã hội; năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi.

M11: Thực hiện đúng quyền dân chủ của bản thân theo quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường; Thực hiện đầy đủ các quy định đảm bảo quyền dân chủ của đồng nghiệp, cha/mẹ hoặc người giám hộ trẻ theo quy định.

### ***Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:***

- Giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non, các trung tâm giáo dục mầm non;
- Chuyên viên về giáo dục mầm non tại các cơ quan quản lý giáo dục;
- Tư vấn viên về giáo dục mầm non.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Về kiến thức**

#### ***2.1.1. Kiến thức chung***

POS1: Vận dụng được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; pháp luật đại cương, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất vào hoạt động chuyên môn và thực tiễn cuộc sống.

POS2: Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, cần thiết vào việc hình thành các năng lực chuyên môn và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

#### ***2.1.2. Kiến thức chuyên ngành***

POS3: Phân tích và vận dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về: sự phát triển sinh lý trẻ em; vệ sinh, dinh dưỡng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn; sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; giáo dục học mầm non; quản lý giáo dục mầm

non; đánh giá trong GDMN; phát triển ngôn ngữ; khám phá khoa học về môi trường xung quanh; phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm; làm quen với tác phẩm văn học; hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng; tạo hình; âm nhạc; giáo dục thể chất; giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật... vào trong thực tiễn công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ các độ tuổi mầm non.

POS4: Phân biệt được nhiệm vụ, quyền của Hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên và trẻ mầm non theo Điều lệ trường mầm non.

POS5: Ứng dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

## **2.2. Về Kỹ năng**

### **2.2.1. Kỹ năng chung**

POS6: Thực hiện được hoạt động giao tiếp, giao tiếp sư phạm mầm non; hoạt động tư vấn giáo dục trẻ mầm non.

POS7: Đạt trình độ Tiếng Anh bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

POS8: Đạt trình độ tin học theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam hoặc tương đương.

POS9: Đạt Chứng chỉ Nghề nấu ăn.

### **2.2.2. Kỹ năng chuyên ngành**

POS10: Thiết kế và tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe; tổ chức môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ; phát hiện và kịp thời thực hiện các biện pháp ngăn ngừa nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ.

POS11: Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non; tổ chức thực hiện và phát triển chương trình GDMN.

POS12. Xây dựng công cụ, thu thập và phân tích được dữ liệu đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non; đánh giá kết quả lao động sư phạm của bản thân và đồng nghiệp.

POS13: Thực hiện được hoạt động tư vấn, hỗ trợ trẻ em, hỗ trợ đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và các tổ chức xã hội trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

POS14: Thực hiện đúng yêu cầu về quản lý nhóm/lớp theo quy định; xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống sư phạm.

## **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

POS15: Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường mầm non.



POS16: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi. Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm.

POS17: Thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể, nhà trường về các nhiệm vụ được giao.

POS 18; Thể hiện được cảm nhận của các nhân về cái đẹp trong hoạt động chuyên môn và trong cuộc

### 3. Ma trận quan hệ mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																	
	Kiến thức					Kỹ năng									Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	POS1	POS2	POS3	POS4	POS5	POS6	POS7	POS8	POS9	POS10	POS11	POS12	POS13	POS14	POS15	POS16	POS17	POS18
M1	X	X		X										X		X		X2
M2		X	X		X	X				X	X	X	X	X				
M3		X	X		X	X				X	X		X	X				
M4		X	X		X					X	X	X	X	X				
M5		X	X		X					X	X	X	X	X	X	X	X	
M6		X			X					X	X	X	X	X		X	X	
M7					X			X				X		X		X		
M8			X		X			X						X				
M9		X	X	X		X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	
M10	X			X											X		X	
M11	X			X											X		X	

#### 4. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng cần làm hồ sơ xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

#### 5. Quy trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp

##### 5.1. Phương thức đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

##### 5.2. Tổ chức lớp học

Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của người học ở từng học kỳ.

Số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy do Hiệu trưởng quyết định.

### 5.3. Đánh giá kết quả học tập

#### 1. Điểm môn học, học phần

a) Điểm môn học, học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, học phần có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, học phần đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 4,00 trở lên sau khi đã quy đổi đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

2. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học;

3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy: được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến hai chữ số thập phân

a) Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

+ A: Là điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

+ i: Là số thứ tự môn học, học phần;

+ a<sub>i</sub>: Là điểm của môn học, học phần thứ i;

+ n<sub>i</sub>: Là số tín chỉ của môn học, học phần thứ i;

+ n: Là tổng số môn học, học phần trong học kỳ, năm học, khóa học hoặc số tín chỉ đã tích lũy.

b) Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm môn học, học phần được bảo lưu, không bao gồm điểm môn học, học phần được miễn trừ và môn học, học phần điều kiện;

c) Trường hợp người học được tạm hoãn học môn học, học phần thì chưa tính khối lượng học tập của môn học, học phần đó trong thời gian được tạm hoãn.

4. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy chỉ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính



theo kết quả điểm thi kết thúc môn học, học phần lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học, học phần có điểm cao nhất.

5. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 2 học phần điều kiện; kết quả đánh giá 2 môn học, học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

#### 5.4. Điều kiện tốt nghiệp

1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng học tập quy định cho chương trình đào tạo;
- b) Có đủ Chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất theo quy định hiện hành;
- c) Có điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4 đối với đào tạo theo tín chỉ;
- d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học, học phần thuộc chương trình đào tạo và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định.
- e) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tính đến thời điểm xét tốt nghiệp;
- g) Có đơn gửi Hiệu trưởng Trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học (nếu người học có nhu cầu).

2. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

### 6. Nội dung đào tạo

**6.1. Tổng số tín chỉ:** 82 tín chỉ (*Chưa kể học phần Giáo dục Thể chất và 165 tiết Giáo dục quốc phòng, an ninh*). Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 17 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 65 tín chỉ
- + Khối kiến thức cơ sở ngành: 08 tín chỉ
- + Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 48 tín chỉ
- + Kiến thức nghiệp vụ sư phạm: 09 tín chỉ

+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 05 tín chỉ (02 học phần thuộc các học phần trong khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành).

## 6.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Nội dung	Số TC
1	<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương chung cho ngành Sư phạm</b> (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-AN)	17
2	<b>Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b> - Khối Kiến thức, kỹ năng cơ bản: - Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: - Khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm: - Học phần thay thế thi tốt nghiệp hoặc khóa luận: 5 tín chỉ (Lựa chọn 02 học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành)	65 08 48 09

### \* Nội dung từng phần:

TT	Mã HP	Khối kiến thức/Tên HP	Số TC	Học kỳ	Số tiết lên lớp			Thực hành, TT tại cơ sở	Học phần tiên quyết
					LT	TL TH TN	KT		
<b>A. KHỐI KIẾN THỨC GDĐC CHUNG CHO NGÀNH SP</b>			17						
1	DC5501	Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin	5	1	52	45	1		Không
2	DC5202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	21	17	1		DC5501
3	DC5303	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	4	32	25	1		DC5202
4	DC5403	Pháp luật đại cương	3	2	29	31	1		Không
5	DC5502	Tiếng Anh 1	2	3	28	16	1		Không
6	DC5602	Tiếng Anh 2	2	4	28	16	1		DC5502
7	DC5711	Giáo dục quốc phòng - An ninh (165 tiết)		1 - 4	77	88	0		Không
8	DC5803	Giáo dục thể chất (90 tiết)		1 - 3	0	84	6		Không
<b>B. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>									
<b>I. Khối Kiến thức, kỹ năng cơ bản (Kiến thức cơ sở ngành)</b>			08						
1	MN5201	Tâm lý học đại cương	2	1	18	23	1		Không
2	MN5202	Giáo dục học đại cương	2	1	18	23	1		Không
3	MN5203	Mỹ thuật	2	2	18	21	3		Không





4	MN5204	Âm nhạc và Múa	2	1	18	22	2		Không
<b>II. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành</b>			<b>48</b>						
<b>1. Phần kiến thức bắt buộc</b>			<b>37</b>						
1	MN5205	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN	2	1	20	24	1		Không
2	MN5306	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	3	2	27	35	1		MN5201
3	MN5307	Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non	3	3	27	35	1		MN5202
4	MN5208	Giáo dục hòa nhập	2	5	18	23	1		MN5202 MN5307
5	MN5309	Chương trình giáo dục mầm non - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN.	3	6	27	33	3		Không
6	MN5210	Vệ sinh - Dinh dưỡng	2	2	18	22	2		MN5205
7	MN5211	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	3	18	22	2		MN5203
8	MN5212	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	3	18	22	2		MN5204
9	MN5213	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	4	18	22	2		MN5307 MN5306
10	MN5214	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	2	5	18	22	2		Không
11	MN5215	Phương pháp làm quen với Toán	2	4	18	22	2		Không
12	MN5216	Phương pháp khám phá khoa học và môi trường xung quanh	2	4	18	22	2		Không
13	MN5217	Phương pháp làm quen với văn học	2	5	18	22	2		MN5224
14	MN5218	Phương pháp giáo dục thể chất	2	5	18	22	2		DC5803
15	MN5219	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2	3	18	22	2		MN5205 MN5210
16	MN5220	Đánh giá trong GDMN	2	5	18	22	2		MN5307 MN5306
17	MN5221	Quản lý trong GDMN	2	6	18	22	2		MN5307
<b>2. Phần kiến thức bổ trợ (tự chọn) 11/24 tín chỉ</b>			<b>11</b>						
1	MN5322	Công nghệ thông tin và ứng dụng CNTT trong GDMN	3	1	27	33	3		Không
2	MN5223	Nhạc cụ và múa	2	3	18	22	2		MN5204
3	MN5224	Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm	2	4	18	22	2		Không
4	MN5225	Phương pháp nghiên cứu KHGD	2	5	18	23	1		MN5201 MN5202

5	MN5226	Dạy tiếng Mường	2	6	18	22	2		Không
6	MN5227	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	4	18	22	2		Không
7	MN5228	Tiếng Việt thực hành	2	1	18	24	3		Không
8	MN5229	Môi trường và con người	2	1	18	22	2		Không
9	MN5330	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	3	3	27	35	1		DC5501 MN5201 MN5202
10	MN5231	Giáo dục môi trường	2	2	18	22	2		Không
11	MN5232	Lịch sử giáo dục học mầm non	2	2	18	23	1		MN5201 MN5202
<b>III. Khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm</b>			<b>09</b>						
1	MN5133	Kiến tập Sư phạm	1	2	0	0	0	2 tuần	MN5201 MN5202 MN5205 MN5210
2	MN5234	Thực hành Sư phạm	2	5	18	38	4	0	MN5210 MN5211 MN5212 MN5213 MN5214 ...
3	MN5235	Thực tập sư phạm	2	4	0	0	0	3 tuần	MN5133
4	MN5436	Thực tập cuối khóa	4	6	0	0	0	6 tuần	MN5235
<b>IV. Học phần thay thế thi TN hoặc khóa luận (5 tín chỉ):</b> Lựa chọn từ các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (02 học phần).									
<b>Tổng số 2.116 tiết</b>			<b>82</b>		<b>908</b>	<b>1133</b>	<b>75</b>		

**Ghi chú:**

- Các học phần tự chọn có thể thay đổi theo từng năm học phụ thuộc vào đăng ký của sinh viên.

- Học phần Thực hành Sư phạm, thực hiện vào các buổi học thứ 2 trong ngày. Điểm của học phần là điểm trung bình cộng của điểm các bài kiểm tra ở từng học kỳ và tính vào điểm trung bình chung học kỳ V của khóa học.

**7. Ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo**

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA																	
		Kiến thức					Kỹ năng										Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
		PO S1	PO S2	PO S3	PO S4	PO S5	PO S6	PO S7	PO S8	PO S9	PO S10	PO S11	PO S12	PO S13	PO S14	PO S15	PO S16	PO S17	PO S18
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lê Nin	X	X												X	X		X	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X													X	X			
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	X	X												X	X			
4	Pháp luật đại cương	X													X	X		X	
5	Tiếng Anh 1							X									X	X	X
6	Tiếng Anh 2							X									X	X	X
7	Giáo dục quốc phòng –An ninh (165 tiết)	X																X	X
8	Giáo dục thể chất (90 tiết)	X					X											X	X
9	Tâm lý học đại cương		X				X						X	X			X	X	
10	Giáo dục học đại cương		X								X	X		X	X		X	X	
11	Mỹ thuật		X	X		X	X					X	X		X		X	X	
12	Âm nhạc và Múa		X	X			X					X					X	X	X
13	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN		X	X			X			X	X	X	X				X		X
14	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non		X	X			X				X		X	X			X	X	
15	Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non		X	X							X	X		X			X	X	



	và đọc, kể diễn cảm																
33	Phương pháp nghiên cứu KHGD	x								x	x		x	x	x		
34	Dạy tiếng Mường	x	x			x					x	x	x	x	x		
35	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x							x		x		x			x	
36	Tiếng Việt thực hành	x	x			x									x	x	
37	Môi trường và con người	x	x			x							x		x	x	
38	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	x									x	x		x	x	x	
39	Giáo dục môi trường	x	x			x			x	x	x	x	x	x	x	x	x
40	Lịch sử giáo dục học mầm non		x						x	x		x	x		x	x	
41	Kiến tập Sư phạm	x	x			x	x				x	x	x	x	x	x	x
42	Thực hành Sư phạm	x	x			x	x				x	x	x	x	x	x	x
43	Thực tập sư phạm	x	x			x					x	x	x	x	x	x	x
44	Thực tập cuối khóa	x	x	x	x						x	x	x	x	x	x	x
	<b>Tốt nghiệp</b>																
	Khóa luận tốt nghiệp	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x

### 8. Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Học kì						Khoa, Tổ giảng dạy
				1	2	3	4	5	6	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>A. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>17</b>							
1	DC 5501	Những NL cơ bản của CN Mác- LêNin	5	5						Tổ LLCT-GDQPAN&GDTC
2	DC 5202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2				Tổ LLCT-GDQPAN&GDTC
3	DC 5303	Đường lối CM của Đảng CSVN	3				3			Tổ LLCT-GDQPAN&GDTC
4	DC 5403	Pháp luật đại cương	3		3					Tổ LLCT-GDQPAN&GDTC
5	DC 5502	Tiếng Anh 1	2			2				Khoa TH-THCS&LKĐT

6	DC 5602	Tiếng Anh 2	2				2			Khoa TH-THCS&LKĐT
7	DC 5711	Giáo dục quốc phòng –An ninh (165 tiết)								TTGDQPAN-ĐHQGHN
8	DC 5803	Giáo dục thể chất (90 tiết)		30	30	30				Tổ LLCT-GDQPAN&GDTC
<b>B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>										
<b>I. Khối Kiến thức, kỹ năng cơ bản (Kiến thức cơ sở ngành)</b>			<b>08</b>							
1	MN5201	Tâm lý học đại cương	2	2						TTNCGD &GDĐB
2	MN5202	Giáo dục học đại cương	2	2						TTNCGD &GDĐB
3	MN5203	Mỹ thuật	2		2					Khoa MN
4	MN5204	Âm nhạc và Múa	2	2						Khoa MN
<b>II. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành</b>			<b>48</b>							
<b>1. Phần kiến thức bắt buộc</b>			<b>37</b>							
1	MN5205	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN	2	2						Khoa MN
2	MN5306	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	3		3					TTNCTLGD &GDĐB
3	MN5307	Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non	3			3				TTNCTLGD &GDĐB
4	MN5208	Giáo dục hòa nhập	2				2			TTNCTLGD &GDĐB
5	MN5309	Chương trình GDMN - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	3					3		Khoa MN
6	MN5210	Vệ sinh - Dinh dưỡng	2		2					Khoa MN
7	MN5211	Tổ chức hoạt động tạo hình	2			2				Khoa MN
8	MN5212	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2			2				Khoa MN
9	MN5213	Tổ chức hoạt động vui chơi	2				2			Khoa MN
10	MN5214	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	2				2			Khoa MN
11	MN5215	Phương pháp làm quen với Toán	2				2			Khoa MN
	MN5216	Phương pháp khám phá khoa	2				2			Khoa MN

12		học và môi trường xung quanh							
13	MN5217	Phương pháp làm quen với văn học	2				2		Khoa MN
14	MN5218	Phương pháp giáo dục thể chất	2				2		Khoa MN
15	MN5219	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2		2				Khoa MN
16	MN5220	Đánh giá trong GDMN	2				2		Khoa MN
17	MN5221	Quản lý trong GDMN	2					2	Khoa MN
<b>2. Phần kiến thức bổ trợ (tự chọn 5 học phần 11/24 TC)</b>			<b>11</b>						
1	MN5322	Công nghệ thông tin và ứng dụng CNTT trong GDMN	3	2					Trường PTHCLCNTT
2	MN5223	Nhạc cụ và múa	2			2			Khoa MN
3	MN5224	Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm	2				2		Khoa TH-THCS&LKĐT
4	MN5225	Phương pháp nghiên cứu KHGD	2				2		TTNCTLGD &GDĐB
5	MN5226	Dạy tiếng Mường	2					2	Khoa TH-THCS&LKĐT
6	MN5227	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				2		Khoa MN
7	MN5228	Tiếng Việt thực hành	2	2					Khoa TH-THCS&BD
8	MN5229	Môi trường và con người	2	2					Trường PTHCLCNTT
9	MN5330	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	3			3			TTNCTLGD &GDĐB
10	MN5231	Giáo dục môi trường	2		2				Trường PTHCLCNTT
11	MN5232	Lịch sử giáo dục học mầm non	2		2				TTNCTLGD &GDĐB
<b>III. Khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm</b>			<b>09</b>						
1	MN5133	Kiến tập Sư phạm (2 tuần)	1		1				Khoa MN, Cơ sở THMN Hoa Sen

2	MN5234	Thực hành Sư phạm	2				2		Khoa MN
3	MN5235	Thực tập sư phạm (3 tuần)	2				2		Khoa MN, Cơ sở THMN Hoa Sen
4	MN5436	Thực tập cuối khóa (6 tuần)	4					4	Khoa MN, Cơ sở THMN Hoa Sen/Trường Mầm non
<b>IV. Học phần thay thế thi TN hoặc khóa luận</b>									Khoa MN
Lựa chọn từ các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (02 học phần).								5	
<b>Tổng cộng</b>			<b>82</b>	<b>16</b>	<b>11</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>14</b>	<b>11</b>

## 9. Mô tả tóm tắt học phần

### 9.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

5 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Năm thứ nhất

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh:

Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

### 9.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

### 9.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương



IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

#### 9.4. Pháp luật đại cương

3 TC

**Điều kiện tiên quyết:** Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

Chương trình môn học Pháp luật đại cương dùng cho đào tạo trình độ cao đẳng, đại học gồm 11 chương, 03 phần những kiến thức cơ bản về các vấn đề:

- Phần thứ nhất: Những khái niệm chung về nhà nước và pháp luật (02 chương);
- Phần thứ 2: Hệ thống pháp luật Việt Nam,
- Phần thứ 3: Luật pháp quốc tế.

#### 9.5. Tiếng Anh 1

2 TC

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần **Tiếng Anh 1** cung cấp lượng kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm ở trình độ tiền trung cấp thông qua các chủ đề bài học.

✓ **Trọng tâm ngữ pháp:** The present simple tense; The present continuous tense vs. the present simple; The past simple tense (regular and irregular endings); will (first conditional); The past continuous tense vs. the past simple; The present perfect tense vs. the past simple; Comparatives and superlatives.

✓ **Trọng tâm từ vựng:** Collocations; Physical appearance; Money; Country adjectives; Clothes; Places and buildings; and Homophones and homonyms.

✓ **Trọng tâm ngữ âm:** The IPA; Voiced and voiceless consonants, question intonation; -ed ending, word stress with two syllables; /i/, /i:/, sentence stress; /ɒ/, /ɔ:/, reduced vowels; -a-, word stress with three syllables; /θ/, /ð/, auxiliary verbs: strong and weak forms.

✓ Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được phát triển theo các chủ điểm và trọng tâm kiến thức bài học.

#### 9.6. Tiếng Anh 2

2 TC

**Điều kiện tiên quyết:** Tiếng Anh 1

Học phần **Tiếng Anh 2** bao gồm 6 bài học từ bài 7 đến bài 12. Mỗi bài học gồm phần từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và các bài tập phối hợp linh hoạt kiến thức nhằm rèn luyện đồng thời cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

✓ **Trọng tâm ngữ pháp:** The Present continuous, quantity phrases, quantifiers, possessive pronouns, The present perfect, infinitive, should, shouldn't, conditional sentences, passive in the present and the past, echo questions, used to, future time clauses, reported speech, connecting words.

✓ **Trọng tâm từ vựng:** từ vựng theo chủ đề bài học, complaint and request, travelling, adjectives for feelings to compare and description, invitation and arrangement, activities,

✓ **Trọng tâm ngữ âm:** weak form and strong form, ending sound "t", and "h" at the beginning of the words, intonation, linking.

✓ Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được phát triển theo các chủ điểm và trọng tâm kiến thức bài học.

### 9.7. Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học chính khóa, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

Môn học gồm 04 học phần với tổng thời lượng 165 tiết (1) Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam - 45 tiết (2) Công tác quốc phòng và an ninh - 30 tiết (3) Quân sự chung - 30 tiết (4) Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (60 tiết).

### 9.8. Giáo dục thể chất (90 tiết)

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Giới thiệu và thực hành một số kỹ thuật cơ bản của các nội dung: Các môn Điền kinh, Thể dục, Bóng chuyền, Cầu lông, Đá cầu. Đồng thời thông qua các bài tập thực hành, vận động giúp sinh viên có được sức khỏe, tinh thần và thể lực tốt để học tập, nghiên cứu góp phần phát triển con người toàn diện. Trên cơ sở đó, học phần giúp sinh viên hình thành các năng lực: năng lực tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập, năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng vận động trong TDDT vào cuộc sống thực tiễn, năng lực hoạt động xã hội (năng lực tham gia thi đấu và làm trọng tài ở một số môn thể thao, năng lực hướng dẫn cộng đồng tập luyện TDDT đúng cách).

### 9.9. Tâm lý học đại cương

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện tượng tâm lý người và sự đa dạng của các hiện tượng tâm lý trong đời sống con người; Những vấn đề về cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý, sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể; Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng và trí nhớ, ngôn ngữ của con người; Một số vấn đề cơ bản về bản chất, các thuộc tính tâm lý của nhân cách và con đường hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách và biện pháp khắc phục chúng.

### 9.10. Giáo dục học đại cương

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Nội dung cơ bản của học phần là hệ thống tri thức cơ bản về vai trò của giáo dục, mục đích, nguyên lý, và hệ thống GD quốc dân, GD mầm non trong hệ thống GD quốc dân, cung cấp những kiến thức về giáo dục học, bao gồm các phạm trù, khái niệm, các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần hoạt

động dạy học, hoạt động giáo dục, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm. Trên cơ sở đó hình thành năng lực tìm hiểu môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học, đặt nền tảng cho việc hình thành năng lực dạy học và giáo dục cho sinh viên.

### 9.11. Mỹ thuật

2 TC

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình, kiến thức và kỹ năng thể hiện về hình họa, màu sắc, trang trí cơ bản, bố cục, phóng tranh, tranh đề tài, tranh minh họa, tranh xé cắt dán, kẻ cắt chữ, nặn.

Những vấn đề chung về kỹ thuật làm đồ chơi: ý nghĩa của đồ chơi đối với trẻ nhỏ; nguyên tắc làm đồ chơi, kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau.

### 9.12. Âm nhạc và Múa

2 TC

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Môn học gồm các nội dung sau:

- Nhạc lý cơ bản: Âm thanh, cao độ, trường độ, nhịp, phách, cung, quãng, hợp âm, điệu thức, dịch giọng.

- Tập đọc nhạc: Tập đọc các bài trong chương trình giáo dục Mầm non.

- Giới thiệu sơ lược về kỹ thuật ca hát.

- Múa cơ bản: Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa, một số kỹ năng múa, một số động tác múa dân gian các dân tộc.

### 9.13. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non

2 TC

**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể người, giới thiệu các giai đoạn tăng trưởng và phát triển của cơ thể trẻ em, mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường, sự phát triển của các hệ: hệ thần kinh; các giác quan; đặc điểm sinh lý và vệ sinh các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi. Môn học có mối quan hệ chặt chẽ và là nền tảng cho các môn học Tâm lý học trẻ em; Vệ sinh-Dinh dưỡng; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ em.

### 9.14. Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

3 TC

**Điều kiện tiên quyết:** Tâm lý học đại cương

Mục tiêu của học phần nhằm hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực đánh giá về tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, tạo nền tảng cho quá trình dạy học và giáo dục trẻ em ở lứa tuổi này.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trẻ em, các quy luật phát triển tâm lý của trẻ em, đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em từ lọt lòng đến 36 tháng tuổi và các dạng hoạt động của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo; việc dạy và học đối với trẻ mầm non, giao tiếp ứng xử của cô giáo đối với trẻ mầm non.

### 9.15. Giáo dục học Mầm non và Nghề giáo viên Mầm non

3 TC

**Điều kiện tiên quyết:** Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức chung về giáo dục học mầm non, các nguyên tắc, nội dung giáo dục mầm non. Học phần hướng dẫn sinh viên tổ chức các hoạt động giáo dục trong trường mầm non, tổ chức cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non và sự phối hợp giữa trường mầm non với gia đình và cộng đồng;

- Một số tri thức cơ bản về hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non, các giai đoạn phát triển nhân cách và nghề giáo viên mầm non, một số tình huống sư phạm và cách giải quyết nó trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Hình thành cho sinh viên một số kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ mầm non, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong dạy học, giáo dục nói chung và giáo dục trẻ mầm non nói riêng, kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

### 9.16. Giáo dục hòa nhập

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Môn học GDHN trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về trẻ khuyết tật và các dạng khuyết tật khác nhau. Giúp SV vận dụng được các phương pháp, kỹ năng đặc thù vào dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập và chủ động, biết cách tổ chức cũng như vận động các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục trẻ khuyết tật.

### 9.17. Chương trình giáo dục mầm non – Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN

3 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần bao gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề chung về chương trình giáo dục mầm non và việc phát triển chương trình giáo dục mầm non; Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: Khái niệm; ý nghĩa; nguyên tắc; cấu trúc, nội dung các loại kế hoạch.

- Chương trình giáo dục mầm non, Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non; Đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN.

### 9.18. Vệ sinh – Dinh dưỡng

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Môn học có 2 phần vệ sinh và dinh dưỡng, với 5 chương gồm các nội dung: Vệ sinh vật và kí sinh trùng; Vệ sinh trường mầm non; Vệ sinh chăm sóc trẻ; Dinh dưỡng học đại cương; Dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ - mẫu giáo.

### 9.19. Tổ chức hoạt động tạo hình

2 TC

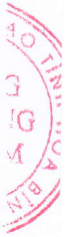
*Điều kiện tiên quyết:* Không

Môn học có 2 chương (1) Những vấn đề chung về hoạt động tạo hình ở trường Mầm non (2) Tổ chức hướng dẫn trẻ mầm non vẽ, nặn, xé, cắt dán, xếp hình và lắp ghép.

### 9.20. Tổ chức hoạt động âm nhạc

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không



Môn học có 3 chương (1) Những vấn đề chung về giáo dục âm nhạc ở trường mầm non (2) Phương pháp tổ chức các dạng hoạt động âm nhạc cho trẻ lứa tuổi mầm non (3) Các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non.

### 9.21. Tổ chức hoạt động vui chơi

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Môn học có 3 chương:

- Chương 1: Một số vấn đề chung về hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non: khái niệm, nguồn gốc, bản chất, ý nghĩa của hoạt động vui chơi; Phân loại trò chơi, sự hình thành và phát triển các trò chơi cho trẻ mầm non.

- Chương 2: Phương pháp tổ chức hướng dẫn các loại trò chơi cho trẻ ở trường mầm non.

- Chương 3: Tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non; lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ.

### 9.22. Phương pháp phát triển ngôn ngữ

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Môn học có 7 chương (1) Cơ sở lý luận của PPPTNN cho trẻ mầm non (2) Nhiệm vụ, hình thức và phương pháp PTNN cho trẻ (3) Giáo dục chuẩn mực ngữ âm Tiếng Việt (4) Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ mầm non (5) Dạy trẻ nói đúng ngữ pháp (6) Phát triển lời nói mạch lạc (7) Cho trẻ làm quen với chữ viết

### 9.23. Phương pháp làm quen với toán

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Môn học bao gồm 2 chương:

- Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản của việc tổ chức hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với các biểu tượng toán học sơ đẳng.

Tổng số: 10 tiết, chia làm 5 bài: bao gồm các nội dung: Mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ của việc hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng; các phương pháp, hình thức và các điều kiện hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.

- Chương II: Phương pháp hướng dẫn hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non

Tổng số: 35 tiết, chia làm 5 bài, bao gồm các nội dung: Lập kế hoạch và phương pháp hướng dẫn hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ; Lập kế hoạch và phương pháp hướng dẫn hình thành các biểu tượng tập hợp-số và phép đếm; kích thước; hình dạng; định hướng trong không gian và thời gian.

### 9.24. PP khám phá khọc và môi trường xung quanh

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Môn học bao gồm 5 chương (1) Những vấn đề chung (2) Nội dung khám phá khoa học về MTXQ ở trường mầm non (3) Phương pháp KPKH về MTXQ (4) Điều kiện và phương tiện cho trẻ MN KPKH về MTXQ (5) Tổ chức các hình thức cho trẻ MN KPKH về MTXQ

**9.25. Phương pháp làm quen văn học****2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Môn học bao gồm 3 nội dung chính (1) Những vấn đề chung (2) Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học (3) Tổ chức hoạt động cho trẻ Làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non

**9.26. Phương pháp giáo dục thể chất****2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Môn học bao gồm các nội dung (1) Những vấn đề chung về phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (2) Giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non

**9.27. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn****2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Môn học có 7 chương gồm các nội dung: Đại cương về bệnh trẻ em; Các bệnh thường gặp ở trẻ em; bệnh chuyên khoa; bệnh truyền nhiễm; Cách phòng và xử trí một số tai nạn thương tích thường gặp; Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

**9.28. Đánh giá trong giáo dục mầm non****2 TC**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục học mầm non; Chương trình giáo dục mầm non - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

Học phần gồm những nội dung sau:

- Một số vấn đề chung về đánh giá trong GDMN: khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của GVMN, chương trình GDMN và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình GDMN).

- Sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đánh giá (quan sát, ghi lại và đánh giá sự học và phát triển của trẻ...)

**9.29. Quản lý trong giáo dục mầm non****2 TC**

**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục học mầm non; Chương trình giáo dục mầm non; Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Học phần gồm những nội dung sau:

- Các vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục: khái niệm, mục tiêu, chức năng, nguyên tắc, phương pháp, quá trình, hình thức, thông tin trong quản lý giáo dục; Một số văn bản trong quản lý giáo dục và quản lý giáo dục mầm non.

- Quản lý trong giáo dục mầm non:

+ Quản lý trường mầm non: Khái quát chung về trường mầm non, cán bộ quản lý trường mầm non, nghiệp vụ quản lý trường mầm non;

+ Giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm, lớp mầm non: Người giáo viên mầm non, công tác quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non.

+ Công tác kế hoạch trong quản lý giáo dục mầm non: Công tác kế hoạch của trường mầm non; công tác kế hoạch của nhóm, lớp mầm non.

**9.30. CNTT và UDCNTT trong GDMN****3 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Môn học cung cấp một số khái niệm ban đầu về công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục nói chung và ứng dụng vào bậc học mầm non nói riêng. Kỹ năng khi soạn thảo văn bản, các thao tác định dạng, các kỹ thuật khi soạn thảo văn bản, biết cách trình bày cũng như soạn thảo một số loại văn bản thông dụng. Biết cách sử dụng bảng tính Excel và sử dụng hàm vào các công việc trình bày cũng như tính toán cần thiết. Cách xây dựng một bài trình chiếu. Thông qua việc sử dụng phần mềm Powerpoint từng bước thiết kế được bài giảng có ứng dụng công nghệ thông tin vào giáo dục bậc mầm non. cách cài đặt cũng như sử dụng thành thạo một số phần mềm hỗ trợ công tác giảng dạy của bậc học mầm non: phần mềm lập bản đồ tư duy Mindmap, bộ phần mềm trò chơi cho lứa tuổi mầm non Kid mart, khai thác một số phần mềm dành cho giáo dục mầm non như: Photo story, phần mềm dinh dưỡng nutrikids, Vui học chữ- vui mà học dành cho bé....

**9.31. Nhạc cụ và múa****2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Âm nhạc và Múa

Nhạc cụ và múa là môn học giúp sinh viên được học trực tiếp trên đàn organ. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đàn Organ điện tử; học cách sử dụng đàn, cách luyện ngón, sử dụng phần đệm (cách đệm ngón đơn, ngón kép) và ứng dụng thực hành đàn các bài trong chương trình giáo dục âm nhạc mầm non... Đây là môn thực hành trong đó tổng hợp kiến thức của các phân môn âm nhạc như: Nhạc lý cơ bản, tập đọc nhạc, hát v.v...

Môn Nhạc cụ và múa còn cung cấp cho sinh viên động tác múa một số bài trong chương trình giáo dục âm nhạc mầm non; trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên tắc, phương pháp biên soạn động tác múa, từ đó ứng dụng thực hành biên soạn, dàn dựng các bài múa trong các hoạt động giáo dục âm nhạc và múa ở trường mầm non. Đây là môn thực hành trong đó tổng hợp kiến thức của các học phần như: Nhạc lý cơ bản, múa cơ bản v.v...

**9.32. Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm****2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi, rèn cho sinh viên kỹ năng đọc kể diễn cảm.

**9.33. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục****2 TC**

**Điều kiện tiên quyết:** Nguyên lý cơ bản của CNML, các học phần Tâm lý học, giáo dục.

Mục tiêu của học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về khoa học và nghiên cứu khoa học giáo dục; các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; cách tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục và cách đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, từ đó bước đầu sinh viên biết cách lựa chọn và xây dựng được một đề cương nghiên cứu khoa học giáo dục.

**9.34. Dạy tiếng Mường****2 TC**

**Điều kiện tiên quyết:** tốt nghiệp THPT

Học phần tiếng Mường cung cấp những kiến thức cơ bản ngôn ngữ học nói chung, của tiếng Mường cụ thể nói riêng như: âm tiết, âm vị, âm tố, âm đầu, âm đệm, ...

Chương trình gồm 14 bài, ngoài bài mở đầu giới thiệu bảng chữ cái, mỗi bài là một chủ đề giao tiếp như: chào hỏi, giới thiệu làm quen, thăm hỏi, gia đình, nghề nghiệp, thời gian, thời tiết, mua bán, ăn uống, trang phục, ... Mỗi chủ đề có 2 đến 4 cuộc hội thoại được thiết kế dưới dạng hỏi, trả lời; có nội dung xoay quanh chủ đề và gắn với đời sống của người Mường. Trong mỗi bài, sau phần hội thoại có phần chú giải từ vựng, ngữ pháp và phần thực hành – được thiết kế dưới dạng các bài tập điền từ, nối kết thành câu, hỏi và trả lời với bài khóa ngắn gọn. Cuối mỗi bài có 2 câu “Lời ăn tiếng nói của người Mường .. , người học có thể học thuộc vừa để nâng cao tiếng Mường, vừa để hiểu về ngôn ngữ và văn hóa Mường.

**9.35. Cơ sở văn hóa Việt Nam****2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên nội dung kiến thức cơ bản về khái niệm văn hóa và khái niệm văn hóa học. Sinh viên nắm được vị trí của nền văn hóa Việt Nam trong không gian văn hóa khu vực và thế giới, đồng thời cũng cung cấp cho người học hiểu được tiến trình lịch sử phát triển của dòng chảy văn hóa Việt từ nguồn cội cho tới đương đại. Các vùng văn hóa cũng được mô tả khái quát những đặc trưng cơ bản giúp người học thấy được sự đa dạng của văn hóa Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết cơ bản về đời sống văn hóa của người Việt Nam ở các khía cạnh sau:

- Văn hóa tổ chức đời sống tập thể: Bao gồm những kiến thức cơ bản về tổ chức nông thôn, tổ chức quốc gia và tổ chức đô thị. Trong mỗi nội dung người học nắm được nguồn gốc, đặc trưng và vai trò của các tổ chức nói trên trong quá trình hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam.

- Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân: Bao gồm các nội dung kiến thức về văn hóa nhận thức truyền thống, đời sống tín ngưỡng, phong tục tập quán, văn hóa giao tiếp, nghệ thuật thanh sắc và hình khối trong đời sống văn hóa người Việt Nam.

- Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội: Bao gồm các nội dung kiến thức về văn hóa tận dụng và ứng phó với điều kiện tự nhiên ở các khía cạnh văn hóa ẩm thực, văn hóa mặc, văn hóa ở và đi lại truyền thống; người học cũng nắm được các đặc điểm, đặc trưng cơ bản về văn hóa tận dụng và ứng phó với điều kiện xã hội trong quá trình va chạm, tiếp xúc với các nền văn hóa trong khu vực và thế giới.

- Văn hóa Việt Nam thời kỳ hội nhập: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về vị trí vai trò của văn hóa, ý nghĩa của văn hóa, thực trạng của văn hóa Việt Nam trong thời điểm hiện nay, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

**9.36. Tiếng Việt thực hành****2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không



Học phần gồm 45 tiết cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hướng dẫn cách sử dụng tiếng Việt một cách chuẩn mực: Cách xây dựng đoạn văn, cách dùng từ đặt câu, cách sử dụng từ ngữ theo các phong cách ngôn ngữ khác nhau...

### 9.37. Môi trường và con người

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần gồm các nội dung chính: (1) Giới thiệu về khoa học môi trường (2) Hệ sinh thái học và môi trường (3) Dân số và phát triển dân số (4) Nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người (6) Khai thác tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường (7) Phương hướng và chương trình hành động bảo vệ môi trường

### 9.38. Phương pháp nghiên cứu trẻ em

3 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Nguyên lý cơ bản của CNML, Tâm lý học, Giáo dục học

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: những vấn đề về phương pháp luận nghiên cứu trẻ em, các quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu trẻ em mang tính chất định hướng của phương pháp luận, và hệ thống các phương pháp nghiên cứu trẻ em rất cụ thể (bao gồm nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận, nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn, phương pháp nghiên cứu bằng toán học). Học phần còn giúp sinh viên biết cách tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học để có thể tiến hành một khóa luận tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học trong quá trình làm việc sau này.

### 9.39. Giáo dục môi trường

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Không

Học phần gồm các nội dung chính (1) Giới thiệu về giáo dục môi trường (2) Giáo dục môi trường trong trường mầm non (3) Thiết kế các hoạt động giáo dục môi trường trong trường mầm non

### 9.40. Lịch sử giáo dục học mầm non

2 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên một số tư tưởng, quan điểm giáo dục của một số nhà giáo dục trên thế giới qua các thời kỳ lịch sử, lịch sử hình thành và phát triển ngành giáo dục mầm non. Sinh viên vận dụng được những hiểu biết về một số quan điểm giáo dục xuất sắc để giải thích, giải quyết những vấn đề xảy ra trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục trong trường mầm non.

### 9.41. Kiến tập sư phạm

1 TC

*Điều kiện tiên quyết:* Giáo dục học đại cương, Tâm lý học đại cương, Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non.

Tổ chức cho sinh viên tham quan, kiến tập tại cơ sở GDMN. Bước đầu tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của GDMN, hệ thống tổ chức, loại hình trường, lớp mầm non; hình thành nhận thức ban đầu về tiếp cận tích hợp của chương trình GDMN. Tham gia các buổi thảo luận, xêmina, thực hiện các bài tập về quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ.

### 9.42. Thực hành sư phạm

2 TC

**Điều kiện tiên quyết:** Kiến tập sư phạm và một số học phần chuyên ngành, phương pháp giảng dạy.

Tổ chức cho sinh viên tham gia vào các hoạt động sau: Quan sát, tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý, điều khiển nhóm trẻ; làm việc với cha mẹ và cộng đồng; thiết kế môi trường giáo dục. Tham gia thảo luận, xêmina, làm các bài tập thực hành theo chương trình.

#### 9.43. Thực tập sư phạm

2 TC

**Điều kiện tiên quyết:** Thực hành sư phạm ở một số nội dung và một số học phần chuyên ngành, phương pháp giảng dạy.

Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động rèn luyện những kỹ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lý và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của ngành học vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ.

#### 9.44. Thực tập cuối khóa

2 TC

**Điều kiện tiên quyết:** Thực tập sư phạm, các học phần chuyên ngành và phương pháp giảng dạy.

Sinh viên thực hành như một giáo viên mầm non, tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục trẻ.

### 10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

#### 10.1. Cấu trúc chương trình

##### 10.1.1. Về nội dung:

Nội dung chương trình được xây dựng theo hướng phát triển năng lực ở người học, bao gồm năng lực giáo dục, năng lực về chuyên môn Giáo dục Mầm non và các năng lực khác. Chương trình cũng được thiết kế tương thích với Khung năng lực giáo viên Mầm non tại Việt Nam. Định hướng mở của chương trình cũng được chú trọng khi có nhiều học phần tự chọn và gắn liền với thực tiễn, phù hợp với trình độ của người học. Tỉ trọng của các nội dung lí thuyết giảm và tăng nội dung thực hành cũng nhằm tạo điều kiện và đảm bảo sự phát triển nghề nghiệp của người học trong khi vẫn bảo đảm tính hệ thống từ thấp đến cao của chương trình.

##### 10.1.2. Về phương pháp, kiểm tra đánh giá, phương tiện và tổ chức đào tạo:

Tổ chức các hoạt động đào tạo phải hướng đến việc phát huy năng lực tự học của người học, giúp người học hình thành ý thức tự giác, chủ động, sáng tạo trong công việc học tập của bản thân. Cụ thể:

- Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học như: thuyết trình, phát vấn, seminar, dạy học theo dự án, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, thực hành, thực tập,... góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

- Sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá như: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành tổ chức giờ học giả định, dự án theo nhóm, viết báo cáo ... góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Chú trọng đến các hoạt động rèn luyện NVSPTX, dành tối đa thời gian cho các hoạt động thực hành trong các buổi rèn luyện NVSPTX, kết hợp chặt chẽ với Tổ Tâm lý giáo dục và giáo viên ở cơ sở Giáo dục Mầm non, các trường Mầm non trên địa bàn để vận dụng các nội dung đổi mới đáp ứng với yêu cầu thực tiễn trong giáo dục Mầm non hiện nay;

- Sử dụng triệt để các phương tiện kỹ thuật dạy học như các thiết bị nghe nhìn, máy tính, các phần mềm hỗ trợ dạy học Mầm non, mạng Internet.

### 10.2. Thực hiện chương trình

Trước khi bắt đầu mỗi học phần, giảng viên phải cung cấp đề cương chi tiết học phần cho sinh viên, công bố hình thức kiểm tra đánh giá học phần, các tài liệu học tập và tài liệu tham khảo. Giảng viên phải có kế hoạch hướng dẫn sinh viên chuẩn bị nội dung học tập cho từng chương, bài, bao gồm hướng dẫn đọc và tóm tắt từng phần bài trong giáo trình, tài liệu tham khảo; hướng dẫn lập kế hoạch, thực hành giảng dạy; hướng dẫn làm thảo luận; hướng dẫn làm các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm cùng cơ sở Thực hành.

### 10.3. Điều hành chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 82 tín chỉ, chưa kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

Chương trình bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần thay thế được lên kế hoạch giảng dạy trong 6 học kỳ. Sinh viên phải học các học phần bắt buộc theo kế hoạch và đáp ứng các điều kiện tiên quyết như trong mô tả học phần. Các học phần thay thế được đăng ký học theo học kỳ tương ứng. Việc triển khai tổ chức giảng dạy các học phần tự chọn sẽ dựa trên sự lựa chọn của người học và điều kiện thực tế của nhà trường.

Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức nghiệp vụ chung do các đơn vị có liên quan tổ chức và điều hành giảng dạy. Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Giáo dục Mầm non và học phần Rèn luyện NVSPTX do khoa Mầm non quản lý, tổ chức và điều hành giảng dạy.

## 11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng	Học phần
1	Lê Hải Diệu	1974	ThS GDMN	Chương trình giáo dục mầm non; Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN; Đánh giá trong GDMN; Quản lý GDMN; PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh; PP phát triển ngôn ngữ.
2	Dương Bích Thúy	1977	ThS	Chương trình giáo dục mầm non; Phát

			GDMN	triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN; Đánh giá trong GDMN; Quản lý GDMN; Tổ chức HĐ âm nhạc; Tổ chức HĐVC; PP làm quen văn học;
3	Vũ Thị Huyền	1994	Cử nhân GDMN	Chương trình giáo dục mầm non; PP phát triển ngôn ngữ; Tổ chức HĐ âm nhạc; PP làm quen văn học.
4	Nguyễn Ngọc Anh	1993	ThS GDMN	Chương trình giáo dục mầm non; PP phát triển ngôn ngữ; PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh;
5	Hoàng Ngọc Mai	1988	Cử nhân GDMN	PP giáo dục thể chất; Tổ chức HĐ tạo hình
6	Nguyễn Thành Hưng		Thạc sĩ Triết học	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
7	Đỗ Thị Thanh Mai	1986	Thạc sĩ Kinh tế chính trị	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
8	Đỗ Thị Tiến Thành	19	Thạc sĩ Lịch sử Đảng	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
9	Trịnh Thị Hồng	19	Thạc sĩ	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
10	Bùi Thị Phương	19	Cử nhân	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
11	Trần Lê Quân	1968	Thạc sĩ CNXHKKH; Giảng viên ĐLCM	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
12	Nguyễn Hồng Loan	1987	Thạc sĩ	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
13	Hà Thị Vân Hòa	1990	Cử nhân Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
14	Nguyễn Phương Quỳnh	1969	Thạc sĩ Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
15	Quách Công Sơn	1968	Thạc sĩ Kinh tế chính trị;	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
16	Trần Thị Hương Dung	1982	Thạc sĩ Tâm lý học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Nghề giáo viên mầm non; PP nghiên cứu khoa học giáo dục
17	Phạm Thị Lệ Hằng	1982	Thạc sĩ Tâm lý học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Giáo dục học mầm non,

				Lịch sử giáo dục học mầm non, Giáo dục gia đình, Phương pháp nghiên cứu trẻ em; PP nghiên cứu khoa học giáo dục.
18	Phạm Nam Phương	1980	Thạc sĩ Giáo dục học	Tâm lí học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non; Nghề giáo viên mầm non; PP nghiên cứu khoa học giáo dục
19	Trần Thị Thu Trang	1985	Thạc sĩ Giáo dục học	Tâm lí học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non; Nghề giáo viên mầm non; PP nghiên cứu khoa học giáo dục.
20	Nguyễn Thị Hương May	1986	Cử nhân Tâm lí – Giáo dục	Tâm lí học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non; Nghề giáo viên mầm non; PP nghiên cứu khoa học giáo dục.
21	Nguyễn Thị Huyền	1989	Thạc sĩ Giáo dục học	Tâm lí học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non; Nghề giáo viên mầm non; PP nghiên cứu khoa học giáo dục.
22	Nguyễn Văn Lợi	1964	Thạc sĩ GDTC	Giáo dục quốc phòng – an ninh; Giáo dục thể chất.
23	Vũ Thị Ánh Ngọc	1973	Thạc sĩ GDTC	Giáo dục thể chất
24	Đông Sỹ Khang	1975	Thạc sĩ GDTC	Giáo dục thể chất.
25	Nguyễn Thị Hung	1987	Thạc sĩ QLGD	Giáo dục quốc phòng – an ninh; Giáo dục thể chất.
26	Bùi Văn Thiện	1985	Đại học GDTC-QP	Giáo dục quốc phòng – an ninh; Giáo dục thể chất.
27	Lê Hữu Chung	1966	Đại học Âm nhạc	Âm nhạc và múa (Phần Âm nhạc); Nhạc cụ và múa (Phần Nhạc cụ).
28	Hà Băng Tâm	1975	Đại học Âm nhạc	Nhạc cụ và múa (Phần Múa)
29	Nguyễn Thị Thanh Hà	1985	Thạc sĩ Âm nhạc	Nhạc cụ; Tổ chức HDAN; PP GDAN
30	Bùi Anh Riu	1966	Đại học Mỹ thuật	Mỹ thuật; Tổ chức HĐTH; Tạo hình; PP hướng dẫn trẻ HĐTH
31	Nguyễn Mạnh Huy	1979	Thạc sĩ Mỹ thuật	Mỹ thuật; Tổ chức HĐTH; Tạo hình; PP hướng dẫn trẻ HĐTH
32	Phùng Thị Thu Trang	1987	Thạc sĩ Mỹ thuật	Mỹ thuật; Tổ chức HĐTH; Tạo hình; PP hướng dẫn trẻ HĐTH
33	Bùi Thị Dân	1975	Thạc sĩ Toán học	Toán; PP dạy trẻ làm quen với toán;
34	Nguyễn Kim Cúc	1971	Thạc sĩ	Văn; Tiếng Việt; Văn học TN và đọc

			Văn học	kể diễn cảm
35	Dương Thùy Trang	1984	Thạc sĩ Hán Nôm	Văn; Tiếng Việt; Văn học TN và đọc kể diễn cảm
36	Nguyễn Thị Thanh Bình	1973	Thạc sĩ QLGD	CTS và GDHN trẻ KT; GDHN trẻ KT; Tâm bệnh học và GDDD; PP nghiên cứu khoa học giáo dục
37	Lê Thành Nam	1980	Thạc sĩ Tin học	CNTT và UDCNTT trong GDMN
38	Trương Thị Phương Lan	1989	Thạc sĩ Tin học	CNTT và UDCNTT trong GDMN
39	Bùi Bích Huệ	1987	Đại học CNTT	CNTT và UDCNTT trong GDMN
40	Phạm Thị Minh Huyền	1974	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
41	Trần Thị Na	1974	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
42	Lê Thị Thu Hương	1974	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
43	Nguyễn Thu Phương	1986	ThS tiếng Anh	Tiếng Anh
44	Đinh Thị Thảo	1986	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh

## 12. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

### 12.1. Phòng nghiệp vụ

- Phòng thực hành tập giảng với các thiết bị, đồ dùng theo chuẩn lớp MN tại cơ sở
- Phòng thực hành nấu ăn được thiết kế theo quy trình bếp 1 chiều, có đầy đủ đồ dùng, thiết bị phục vụ thực hành cho sinh viên.

### 12.2. Thư viện

### 12.3. Giáo trình, tập bài giảng

TT	Tên giáo trình / ĐCBG	Tác giả	Nhà XB	Năm
1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội (Tái bản có sửa chữa, bổ sung, 2013)	2009
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội (Tái bản có sửa chữa, bổ sung, 2013).	2009
3	Pháp luật đại cương (Dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng và THCN)	Lê Minh Toàn (chủ biên)	Chính trị quốc gia – Sự Thật, Hà Nội	2011
4	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm	2014

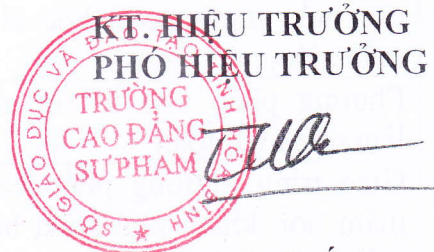
IAO  
IG  
NG  
AM  
HNIB

5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo, (giáo trình dành cho sinh viên các trường sư phạm, ban hành theo quyết định số 33/2002/QĐ/BGD&ĐT)	Viện Nghiên cứu sư phạm - Phạm Việt Vượng chủ biên	Đại Học Sư Phạm	2003
6	Face2Face (Pre-Intermediate – Student's Book and Work Book), Cambridge – University Press	Chris Redston & Gillie Cunningham,	Cambridge – University Press	2005
7	Giáo trình giáo dục quốc phòng Tập 1	Đào Huy Hiệp	Giáo dục	2009
8	Giáo trình giáo dục quốc phòng Tập 2	Nguyễn Tiến Hải	Giáo dục	2009
9	Giáo trình Điện kinh	PGS.TS Nguyễn Kim Minh, Thạc sĩ Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Thạc sĩ Đặng Ngọc Quang	Đại học Sư phạm	2004
10	Giáo trình Điện kinh	Nguyễn Đình Cường, Phan Thị Hiệp	Đại học Sư phạm	2007
11	Giáo trình Thử dụng dụng cụ	Đặng Đức Thao, Vũ Thị Thu	Giáo dục	1998
12	Giáo trình bóng chuyền	Sách dự án đào tạo giáo viên THCS	ĐHSP Hà Nội	2003
13	Giáo trình cầu lông	Th.S Trần Văn Vinh, Th.S Nguyễn Trọng Hải, Th.S Đào Chí Thành	ĐHSP Hà Nội	2004
14	Giáo trình đá cầu		ĐHSP Hà Nội	2003
15	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	ĐHQGHN	2008
16	Những vấn đề chung của giáo dục học	Thái Duy Tuyên	ĐHSP	2004
17	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non hoạt động tạo hình (Dùng cho THCN)	Sở Giáo dục & Đào tạo Hà Nội	NXB Hà Nội	2005
18	Giáo trình mỹ thuật	Phạm Thị Chính - Trần Tiểu Lâm	NXB Hà Nội	2008
19	Giáo trình trang trí	Tạ Phương Thảo	NXB Đại học sư phạm	2004
20	Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc (tập I, II)	Ngô Thị Nam - Trần Nguyên Hoàn - Trần Minh Trí	Giáo dục	
21	Trẻ mầm non ca hát	Hoàng Văn Yên	Âm nhạc	2004
22	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non	Tạ Thuý Lan, Trần Thị Loan	Giáo dục	2008
23	Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai	GDVN	2014
24	Giáo trình giáo dục gia đình	Ngô Công Hoàn	Giáo dục	2009
25	Giáo trình Nghề giáo viên mầm	Hồ Lam Hồng	GDVN	2012

	non			
26	Giáo dục học mầm non	Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh	ĐHQGHN	2001
27	Giáo trình giáo dục hòa nhập, Nhà xuất bản Giáo dục.	Trần Thị Thiệp - Nguyễn Xuân Hải - Lê Thị Thúy Hằng	Giáo dục	2011
28	Chương trình Giáo dục mầm non	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục Việt Nam	2018
29	Tài liệu học tập một số học phần đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non (Chương trình giáo dục mầm non - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non - Quản lý trong giáo dục mầm non).	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Giáo dục Việt Nam	2013
30	Giáo trình Tổ chức hoạt động vui chơi	Đình Văn Vang	Giáo dục	2009
31	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ	Ứng Thị Châu- Nguyễn Lâm Bình- Lê Đức Hiền	Giáo dục	1998
32	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình	Lê Đức Hiền.	Hà Nội	2005
33	Tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	Lê Hồng Vân.	ĐHQGHN	
34	Tổ chức hoạt động âm nhạc	Phạm Thị Hòa	Giáo dục VN	2010
35	Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Đình Hồng Thái, Trần Thị Mai	Giáo dục	2011
36	Giáo trình Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	Lã Thị Bắc Lý, Lê Ánh Tuyết	Giáo dục	2008
37	Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo,	Đình Thị Nhung	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001
38	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	Đỗ Thị Minh Liên	Giáo dục	2011
39	Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh - Nguyễn Thị Xuân	Giáo dục	2011
40	Giáo trình PPGDTC đào tạo giáo viên mầm non có trình độ cao đẳng	Đặng Hồng Phương	Giáo dục	2008
41	Giáo trình Vệ sinh - Dinh dưỡng - Dành cho hệ đào tạo CĐSP Mầm non	Lê Thị Mai Hoa	Giáo dục	2011
42	Giáo trình phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non - Dành cho hệ CĐSP Mầm non	Lê Thị Mai Hoa	Giáo dục	2008
43	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo dục	2008
44	Quản lý giáo dục mầm non	Phạm Thị Châu	Giáo dục	2014



45	Giáo trình Đánh giá trong giáo dục mầm non	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục	2014
46	Lịch sử giáo dục thế giới	Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm	Giáo dục	1998
47	60 năm giáo dục mầm non Việt Nam	Phạm Thị Sửu (chủ biên)	Giáo dục	2006
48	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	ĐHQG	2000
49	Môi trường và con người	Mai Đình Yên	Giáo dục	1997
50	Microsoft Office 2013 Dành Cho Người Bắt Đầu	Quang Huy- Tường Thụy	Thời Đại	2014
51	Phương pháp dạy và học đàn phím điện tử,	Xuân Tứ	Đại học Sư phạm	2005
52	Âm nhạc và múa (dành cho hệ CĐSP mầm non)	Hoàng Công Dụng	Giáo dục	2012
53	Múa	Trần Minh Trí	Đại học Sư phạm	2007
54	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001
55	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Phạm Việt Vượng	Giáo dục	1998
56	Giáo dục môi trường (Đào tạo GVTH)	Lê Văn Trường - Nguyễn Kim Tiến	Giáo dục	2006
57	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Thị Như Mai	Đại học Sư phạm	2014
58	Giáo trình Vệ sinh – dinh dưỡng	Lê Thị Mai Hoa - Trần Văn Dần	Giáo dục	2011
59	Giáo trình Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Lê Thị Mai Hoa - Trần Văn Dần	Giáo dục	2008



Đào Anh Tuấn